1. Quá sản hay tăng sản là hiện tượng tế bào sinh sản nhiều nhanh hơn bình thường.

2. Thoái hóa mỡ là hiện tượng những hạt mỡ bất thường trong bào tương, ty thể.

Thoái hóa hạt có những hạt nhỏ li ti trong bào tương.

Hoại tử đông vùng tổn thương màu xám, mật độ khô rắn.

3. Khoảng cửa gồm động mạch gan, tĩnh mạch cửa, nhánh ống mật.

4. Dị sản ruột là tình trạng tiếp theo của viêm teo dạ dày. Tế bào niêm mạc dạ dày bị teo nặng, không còn khả năng chế tiết. Dị sản ruột trên tiêu bản tế bào tròn, lớn.

5. Dị sản vảy lớp tế bào lớp đáy tăng sinh nhưng chưa phá vỡ cấu trúc bên dưới. Loạn sản cổ tử cung là quá trình tế bào tại cổ tử cung bị biến đổi dưới tác dụng của các tác nhân như viêm nhiễm, virus HPV.

6. Thoái hóa nước là hiện tượng ngấm nước lan tỏa làm tế bào sáng trong, bề mặt biến đổi, lưới nội bào giãn rộng.

7. Hemoisiderin do bạch cầu đa nhân trung tính thoái hóa, hồng cầu xen kẽ thoái hóa hoặc tiêu biến tạo thành.

8. Tế bào Langhans có 2 giả thuyết về nguồn gốc là từ các tế bào biểu mô xác nhập lại hoặc từ một tế bào biểu mô phân chia nhiều.

9. Cổ ngoài cổ tử cung là biểu mô lát tầng không sừng hóa, cổ trong là biểu mô trụ đơn.

10. Phế quản gồm 4 lớp từ trong ra ngoài là biểu mô trụ giả tầng có lông chuyển, mô liên kết, cơ trơn, mô sụn. Phế quản tận là biểu mô vuông đơn.

11. Ống tiêu hóa 4 tầng tầng niêm mạc, hạ niêm mạc, cơ, vỏ ngoài. Dạ dày biểu mô trụ đơn tiết nhày không tế bào đài.

12. Ung thư da dày tuyến gồm typ ống, nhú, nhày và tế bào nhẫn. ung thư dạ dày gồm 5 loại:

* Ung thư biểu mô tuyến.
* Ung thư biểu mô không biệt hóa.
* Ung thư biểu mô tuyến vảy.
* Ung thư biểu mô tế bào vảy.
* Ung thư không xếp loại.

U vảy dạ dày hay gặp ở tâm vị gần thực quản nhưng có thể thấy ở hang vị hay môn vị. Phát triển từ biểu mô vảy lạc chỗ từ thực quản hoặc dạ dày.

13. Nhận biết dựa vào biểu hiện bên ngoài như vàng da, vàng mắt, nước tiểu vàng, ăn không ngon, ngữa, v.v. Các phương pháp chẩn đoán: Siêu âm phát hiện khối u; Sinh thiết mô gan bằng kim, nội soi hay qua tĩnh mạch (dùng kim nhỏ và kim lõi); Chụp CT gan; Xét nghiệm các chất của gan AFP.

14. Dấu hiệu ung thư vú là có khối u, vùng da bất thường, tiết dịch, xuất hiện hạch. Chẩn đoán ung thư vú: Siêu âm; Chụp X-quang; Sinh thiết kim nhỏ, dịch vú.

15. Sinh thiết là xét nghiệm y khoa được dùng bằng phẫu thuật, lấy mẫu tế bào hoặc mô để đánh giá tình trạng bệnh.

16. Một số ung thư cổ tử cung: Ung thư tại chỗ và ung thư xâm nhập (có keratin(tế bào lớn, tế bào nhỏ) và không keratin).

Cổ tử cung chắc có 2 loại tế bào lớn và nhỏ.

17. Ung thư phổi gồm ung thư tế bào nhỏ, tuyến phế quản, tế bào vảy.

18. Loét dạ dày và chợt dạ dày cấp tính xảy ra cấp tính, khu trú, tổn thương nhiều ổ ở bất cứ đâu, tổn thương chỉ tới lớp niêm mạc, vết loét thường nhỏ hơn 1cm, bờ và đáy không bị cứng, không hóa sẹo.

Loét mạn hay ở bờ cong nhỏ, tổn thương sâu, ổ loét thường từ 1-2.5cm, tổn thương sâu, mô sẹo tồn tại vĩnh viễn.

Trợt giống vết xước nhẹ bị viêm.

Loét dạ dày điều trị kéo dài vì khó phục hồi do các tuyến chế tiết trong dạ dày, dễ tái phát hậu quả nặng hơn.

Biến chứng loét dạ dày chảy máu, thủng dạ dày, chít hẹp và ung thư.

19. Bệnh Hogkin là u lympho nguyên phát. Tế bào Reed-Sternberg từ tế bào B.

Lympho bào B và lympho bào T khác nhau. B sản xuất Ig vai trò miễn dịch dịch thể, T sản xuất lymphokin, interleukine vai trò miễn dịch tế bào.

20. U nhú da, u nhú sinh dục. U nhú khác ung thư tế bào đáy ở vị trí, tính chất ung thư.

21. Basedow tăng chế tiết do di truyền, thường ở nữ dưới 40.

22. Nguyên bào Nevi và hắc tố bào từ cùng 1 tế bào.

23. Biểu mô cổ tử cung là trụ đơn. Nội mạc cổ tử cung bao bọc bởi một lớp đệm.

24. Tế bào Reed-Sternberg có 2 nhân trở lên.

25. Có u hạch lành tính.

26. Tuyến tiền liệt dưới đáy bàng quang, sau liệu đạo. Niệu đạo gắn với tuyến tiền liệt. Hậu quả u xơ là tắc nghẽn đường dẫn nước tiểu, kích thích buồn tiểu, ung thư tuyến tiền liệt.

27. Ung thư ống gan và ung thư đường mật là một. Ung thư ống gan là ung thư gan nguyên phát.

28. Một số bệnh gây xơ gan là nghiện rượu, viêm gan siêu vi B và C, gan nhiễm mỡ.

29. Ung thư nuôi dưỡng bằng thẩm thấu.

30. Lông rau là lông con. Thoái hóa nước do tế bào nuôi tiết chất thấm vào lông rau.

Chửa trứng hoàn toàn không có tổ chức thai nhỉ, chứa trứng bán phần có thai nhi hau một phần thai nhi.

31. Các loại ung thư đại tràng khác ung thư biểu mô trụ, ung thư biểu mô không điển hình, ung thư thể nhầy.

32. Các loại ung thư phổi ung thư phổi tế bào nhỏ và ung thư không tế bào nhỏ (tế bào vảy, tuyến, tế bào lớn).

33. Các con đường di căn hạch bạch huyết, huyết quản, tự nhiên.

34. Xuất dịch > Nang lao > Hàn gắn.

35. Ung thư thứ phát ở hạch = Ung thư biểu mô di căn tuyến. Hạch gồm tế bào lympho B (vỏ) và T(tủy).

36. Viêm ruột thừa do sự tắc nghẽn lòng ruột thừa do sỏi, phân làm vi khuẩn tăng sinh gây nhiễm trùng, viêm (do tế bào viêm làm nhiệm vụ).

37. Thiếu iod không tạo ra T3, T4.

38. Mô hạt ở mô liên kết, tầng dưới niêm mạc, viêm cấp.

39. Viêm hạt là viêm mạn tính, tổn thương khu trú, nhiều tế bào viêm từ tổ chức hơn từ máu.

40. Ung thư vú 2 loại là tiểu thùy và tuyến.

41. Hodgkin ở hạch.